

Light

MODULO S1PS SANDAL

MODULOS1PS

Sandal an toàn siêu thoáng khí

mái thấm hút giày MODULO là sự kết hợp tính năng
an thoáng khí, lót chống ESD, và ngón chân an toàn, v.v.
Được làm từ nguyên chất thu

CO₂ 9.23 kg



GRY



112



BLK

Những vật liệu cao cấp hơn nhỏ sợ	
tái chế lưới	
Đệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)	
đế giữa ệt chống thủng	
Đế ngoài	BASF PU/BASF PU
Đứng đầu	Nanocarbon
Loại	S1 PS / SR, SC, FO, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
thép	0.550 kg
Tiêu chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022+A1:2024 IS 15298 (Part 2): 2016



Trọng lượng nhẹ chống **đâm** thủng
Hệ chống đâm thủng. Bao phủ 100% bàn chân



mũi chống **mài mòn (SC)**
Vật liệu che phủ mũi giày đã được thử nghiệm riêng hao mòn vật liệu trên (ví dụ: khi quỳ) và mở rộng giày an toàn



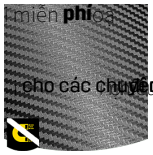
(SR) Chống t
dây SR/SC/SRC/SRC. SR có nghĩa là phép thử
trượt được thực hiện trên sàn và dầu



hấp thụ **gót chân**
Sự hấp thụ năng lượng ở gót chân
mang. ười



chay thu
Không
ử dụng



miễn **phí** oa
cho các chuyến

Kim l
Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
Biên t ập , lĩnh vự c **ô tô, Ngành công** n g**hiệ**n**p** , hậ

ường: **Môi** t
r ơn **môi khô,** Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t **giày, chúng tôi khuyên bạn nên** v ệ **sinh giày** thư ờn g **xuyên và** bảo v ệ **chúng** bằng phẳng **cách** hàng **Không** trên lò

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật liệu sợ **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng ấm ớ	? 0.8	8.20		ờ	mg/cm/g
	Top: hi ệ số ớ	? 15	68			mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ớ					
	L ớp **lót:** ấm ớ	? 2	60.62		ờ	mg/cm/g
	lót: hi ệ số ớ	? 20	485			mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)						
	ệ m chân Đ ộ b ền ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles			chu kỳ
goài Đ	**BASF PU/BASF PU**					
	Ch ỉ số ma sát **mài mòn** ế ngoài (	? 150	127mm³ (Density:1.09g/cm³)			mm
	Chư ớ ợt **gót** bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt **gót** v ề phía t	? 0.31	0.33			ma sát
r	Cặ ợt cố ớ bằng G ố m + NaLS - Trư ợt **lùi** v ề phía t	? 0.36	0.42			ma sát
r	Cặ ợt SR G ố m + Glycerin - Trư ợt **gót** phía t	? 0.19	0.22			ma sát
	Chư ớ ợt SR G ố m + Glycerin - Trư ợt v ề phía t	? 0.22	0.25			ma sát
ị ch ố	Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	31.5			megaohm
ị ESD	Giá t	0.1 - 100	21			megaohm
	Hấp thụ năng l ợ **gót** chân ủ	? 20	31			J
Đ ứ n g đầ	**Nanocarbon**					
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g **cách** sau va đập 100J)	N/A	N/A			mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g **cách** sau va đập 200J)	? 14	15.5			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	21.0			mm

kích thước thép: 42

a chú ý không có thay thế. nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO#** phát thả					
	V ật l iệu		6.88		kg
	Bao bì		0.20		kg
ất	Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			9.23 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	Đ q
ệ vật l	Tiệ **tái** ch ế			
	Product		13%	
	Bao bì		18%	

Tính toán CO2:
rị đ **Các** làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng **các** công cụ tính toán **CO2** Giầy đổi.